

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HSST.

Ngày: 18/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn văn Thử**

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội nông dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Châu Thị Chúc**

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Bé Năm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lâm D (C)**, sinh năm 1995; Giới tính Nam; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh S; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lâm Văn H, sinh năm 1953 (sống) và bà Thạch Thị P, sinh năm 1961 (sống); Anh, chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: Có 01 tiền án (vào ngày 30/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh S, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự; Tiền sự: Không; Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, kể từ ngày 24/7/2017 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại tòa).

Người bị hại:

1. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1988, trú tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh S (vắng mặt).

2. Bà **Lý Thị T**, sinh năm 1977, trú tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh S (vắng mặt)

3. Bà **Thạch Bạch T**, sinh năm 1969, trú tại số 32/8, đường N, phường A, quận N, thành phố C (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lý L**, sinh năm 1984, trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh S, (vắng mặt)

Người làm chứng:

Ông **Sơn V**, sinh năm 1975, trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lâm D đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 30/5/2017, Lâm D cùng một người bạn tên Lý L đi theo đoàn nhạc sống của ông Sơn V đến ca hát phục vụ đám cưới tại nhà ông Lý S, địa chỉ ấp K, xã H, huyện C, tỉnh S. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 31/5/2017, D đi sang nhà ông Lý L (cạnh nhà ông S) để tìm chỗ đi vệ sinh, thì phát hiện những người trong nhà đã ngủ và trên giường nhà ông L có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 309 của bà Lý Thị T và một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 của bà Trần Thị L. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nên D đã lén lút lấy 02 chiếc điện thoại di động nói trên giấu vào túi quần. Sau đó, D nghe có tiếng chuông điện thoại phát ra từ chiếc Ba lô để gần đó của bà Thạch Bạch T, nên D đi đến dùng tay kéo dây kéo Ba lô ra thì phát hiện thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Q.mobile và một chai nước hoa nhãn hiệu Senetive pour femme, nên D tiếp tục lấy giấu vào túi quần, rồi sau đó D đi về nhà của Lý L để ngủ.

Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, các bị hại T, L và T phát hiện mất điện thoại di động và nghi ngờ Lâm D là người lấy trộm, nên nói cho ông V biết để nhờ ông V tìm giúp. Lúc này, ông V gọi điện cho Lý L để nhờ hỏi D có lấy trộm điện thoại không. Sau đó, L có hỏi D thì D không thừa nhận. Trong lúc D đang tìm nơi cất giấu 03 chiếc điện thoại di động vừa trộm được thì có tiếng chuông reo từ chiếc điện thoại Nokia của chị T mà D đang cất giấu trong túi quần; do sợ bị L phát hiện, nên D ném chiếc điện thoại này vào cạnh lu nước nhà L, còn hai chiếc điện thoại còn lại thì D giấu trong Ba lô cá nhân. Lúc này, ông V đến hỏi D có lấy trộm điện thoại di động của các bị hại không, thì D không thừa nhận. Sau đó, Lý L tìm thấy 03 chiếc điện thoại mà D đã cất giấu và giao lại cho ông V, thì lúc này D mới thừa nhận đã thực hiện hành vi lấy trộm 03 chiếc điện thoại di động và 01 chai nước hoa của các bị hại, nên ông V điều khiển xe mô tô chở D

đến Công an thị trấn C để đầu thú và giao nộp toàn bộ số tài sản mà D đã lén lút chiếm đoạt của các bị hại.

Tại kết luận định giá tài sản số 19/2017/HĐ ĐG-TCKH, ngày 23/6/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh S, kết luận: Tài sản là 03 chiếc điện thoại di động nói trên tại thời điểm ngày 31/5/2017 có tổng giá trị là 1.218.500 đồng (Trong đó điện thoại Samsung Galaxy J5 có giá trị là 747.500 đồng; điện thoại Nokia, model 309 có giá trị là 358.000 đồng; điện thoại di động Q-mobile C500 có giá trị là 113.000 đồng). Đối với chai nước hoa nhãn hiệu Sensetive pour femme, loại chai thể tích 100ml. Hội đồng định giá tài sản không tìm thấy nhãn hiệu nước hoa này trên thị trường, quét mã vạch trên vỏ hộp không cho ra kết quả, nên Hội đồng định giá không đủ cơ sở để định giá tài sản này.

Đến ngày 06/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Lâm D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S đã tiến hành tạm giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu trắng, số Emel 1: 352700070286538/01, số Emel 2: 352701070286536/02;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 309, màu trắng, số Emel 352841/05/714481/9;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile C500, màu vàng, số Emel 354753060109804 và 01 chai nước hoa nhãn hiệu Sensetive pour femme, loại chai thể tích 100ml.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S đã ban hành các quyết định xử lý vật chứng số 36/QĐ, số 37/QĐ, số 38/QĐ cùng ngày 21/7/2017 bằng hình thức giao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu trắng, số Emel 1: 352700070286538/01, số Emel 2: 352701070286536/02 cho bị hại bà Trần Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 309, màu trắng, số Emel 352841/05/714481/9 cho bị hại bà Lý Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile C500, màu vàng, số Emel 354753060109804 và 01 chai nước hoa nhãn hiệu Sensetive pour femme, loại chai thể tích 100ml cho bị hại Thạch Bạch T là những chủ sở hữu, nên không đặt ra để xem xét.

Tại cáo trạng số 32/QĐ-KSĐT, ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Lâm D về tội ‘trộm cắp tài sản’ theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 191, 192 và Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lâm D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Do đó đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lâm D đã lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 ; Nokia Model 309; Q-mobile C500) và 01 chai nước hoa nhãn hiệu Sensetive của các bị hại Trần Thị L, Lý Thị T và Thạch Bạch T. Tài sản bị chiếm đoạt qua định giá có tổng giá trị 1.218.500 đồng. Ngoài ra, bị cáo Lâm D đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” (vào ngày 30/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh S, xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự; đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/5/2017, chưa được xóa án tích). Cho nên, đây là tình tiết định tội đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ra của cải nhưng lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo Lâm D đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, để lén lút chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động. Tuy nhiên, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản có tổng số tiền 1.218.000 đồng không đủ định lượng, nhưng bị cáo đã có một tiền án trước đó về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Lẽ ra, sau chấp hành xong hình phạt về địa phương, bị cáo phải biết ăn năn hối cải ra sức cải tạo bản thân trở thành công dân tốt, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà khi trở về địa phương bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Như vậy bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Cũng cần xem xét hiện nay tại địa bàn nông thôn và các khu dân cư đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản gây hoang mang trong dư luận, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với chính quyền. Do đó, xét thấy cần xử lý nghiêm khắc hành vi trộm cắp này để răn đe, giáo dục và cũng để phòng ngừa chung. Đồng thời có xem xét khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Lâm D (C) mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử có xem xét, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú và giao nộp tài sản trả cho các bị hại; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là ng-ời dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu trắng, số Emel 1: 352700070286538/01, số Emel 2: 352701070286536/02;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 309, màu trắng, số Emel 352841/05/714481/9;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile C500, màu vàng, số Emel354753060109804 và 01 chai nước hoa nhãn hiệu Sensetive pour femme, loại chai thể tích 100ml.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S đã giao trả lại cho các người bị hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bị cáo Lâm D (C) là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm D (C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 138; điểm p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm D (C)** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2017.

2. Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh S đã giao trả tài sản cho các bị hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lâm D (C) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, BH; NCLQ;
- Chi cục THACT;
- Cơ quan THA hình sự Công an CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân